

Số: 109 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Việt Cường, biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 31/5/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Việt Cường;

Mã số thuế: 2700271619;

Địa chỉ: Số nhà 39 ngõ 80, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phố Vạn Thịnh, Phường Bích Đào, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình;

Địa chỉ: Cảng Cầu Yên, Phường Ninh Phong, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 622**.

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp, bổ sung cho Giấy chứng nhận số 445/GCN-BXD ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Việt Cường;
- SXD Ninh Bình (phối hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 622
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 1009./GCN-BXD, ngày 11 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
(1)	(2)	(3)
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
1.	Xác định độ sụt, độ xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C143-10A; AASHTO T119:11; EN 12350-2:09; JIS A1101:05
2.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; AASHTO T197; ASTM C403/C1117
3.	Xác định hàm lượng Sunfat trong bê tông	TCVN 9336:2012
4.	Xác định hàm lượng bọt khí bê tông	TCVN 3111:1993; AASHTO T152; ASTM C231/C457; ASTM C173; BS EN12350, JIS A1128
5.	Cường độ chịu nén	AASHTO T22/T24; ASTM C39/C42/C597; BS EN 12390, 12504; JIS A1108; TCVN 9357:2012; TCVN 9030:17; TCVN 10303:14; GBJ107; GB/T50081
6.	Cường độ kéo uốn	AASHTO T97; ASTM C78/C1018/C1399/C1550/1609
CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
1.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227; C289, C1105, C1260; AASHTO T303, JIS A1146
2.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; EN1744.5
3.	Xác định hàm lượng sunphat, sunfit	TCVN 7572-16:2006
4.	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý cát nghiền	TCVN 9205:2012
5.	Xác định độ bền cắt, độ bền nén của đá	TCVN 10323:2014; TCVN 10324:2014
6.	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magnessi sunfat	TCVN 7572-22:2018
7.	Hàm lượng bột đá (qua sàng 0.075mm) lẫn vào cát nghiền	AASHTO T11-05
ĐÁ TRONG PHÒNG		
1.	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	GOST 5184; AASHTO T89:10; AASHTO T90-00:08; ASTM D4318:00; JIS A1205
2.	Thí nghiệm sức chịu tải CBR trong phòng	ASTM D1883, D3668, AASHTO T193, BS1377, TCVN 12792:2020
3.	Xác định thành phần cỡ hạt	AASHTO T88:10; AASHTO T27:11; ASTM C136:06; ASTM D1140:00; ASTM 0422-63:02; JIS A1204; ASTM D2487
4.	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; AASHTO T99:10; AASHTO T180:10; ASTM 01557:02; ASTM D698:00a; TCVN 12790:2020
5.	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	AASHTO T208; BS 1377-P7:99; TCVN 9438:2012; ASTM D2166/D2166; JIS A1216

11/11/2021

6.	Xác định hệ số thấm của đất	ASTM D2434:00; AASHTO T215; JIS A1218
7.	Xác định tổng hàm lượng các ion thành phần muối tan trong đất	TCVN 8727:2012
8.	Hàm lượng hữu cơ mất khi nung	AASHTO T267; ASTM D2974; BS1377-3
9.	Thạch cao và sản phẩm thạch cao	TCVN 8654:2011
10.	Mô đun đàn hồi của các loại vật liệu	22 TCN211:06; TCVN 9843:2013
KIM LOẠI		
1.	Thử kéo, uốn	TCVN 7937-1:2013; TCVN 7937-2:2013; TCVN 7937-3:2013; ASTM A370-10; JIS G3112
2.	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết, độ cứng	TCVN 1916:1995, TCVN 4795:1989, TCVN 4796:1989; ASTM A370:07; TCVN 197:2014
3.	Thử kéo mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đơ, thép ống	TCVN 8163:09; ISO15835:2009
4.	Thử cấp dự ứng lực trước; Thử cấp thép	TCVN 6284:97; ASTM A370; JIS Z2241; ISO 6892:98
5.	Thử nghiệm kéo neo thép, neo bu lông	ASTM E1512
NHỰA BITUM		
1.	Xác định tổn thất khối lượng	ASTM D1754
2.	Chỉ số độ kim lún PI	Phụ lục II - Thông tư 27/2014/TT-BGTVT
NHỰA ĐƯỜNG POLIME		
4.	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN 319:04; ASTM D5892; TCVN 11194:2017
5.	Độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22TCN 319:04; ASTM D6084; AASHTO T301; TCVN 11194:2017
6.	Độ nhớt Brookfield	22TCN 319:04; ASTM D4402; TCVN 11194:2017
NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
8.	Nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
9.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
10.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011
11.	Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011
HIỆN TRƯỜNG		
1.	Mô đun biến dạng tại hiện trường qua tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194, ASTM D1195, ASTM D1196
2.	Công tròn: kiểm tra sai số kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải và khả năng chống thấm nước	TCVN 9113:2012
3.	Công hộp: kiểm tra sai số kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải và khả năng chống thấm nước	TCVN 9116:2012
4.	Kiểm tra cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:06
5.	Xác định dung trọng của vật liệu bằng phương pháp dao đai	TCVN 12971:2020; AASHTO T204; ASTM D2937
6.	Xác định khối lượng thể tích và độ ẩm, độ chặt của lớp đầm nén tại hiện trường	ASTM D5030-4; D4914-99 TCVN 8728, 8730:2012; AASHTO T191; BS1377-9
7.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật này	TCVN 9334:2012

8.	Bê tông nặng – phương pháp thử không phá hủy kết hợp máy siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
VỮA XÂY DỰNG		
1.	Vữa xi măng trộn sẵn không co: xác định độ chảy, độ tách nước, tốc độ phát triển cường độ, thay đổi chiều cao cột vữa tại lúc kết thúc đông kết, thay đổi chiều dài mẫu vữa đông rắn, cường độ vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C939:10; EN 445:07; ASTM C157:08; ASTM C827:10; ASTM C1107:11; ASTM C940-10a; AASHTO T160, T106
2.	Khả năng tách nước, độ giãn nở của vữa sau 24h	ASTM C940:89
3.	Vữa chèn cấp dự ứng lực: xác định lượng vón cục trên sàng có kích thước lỗ 2 mm, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018
NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG		
1.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol; độ lắng và độ ổn định lưu trữ; lượng hạt quá cỡ (sàng); điện tích hạt; độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; chung cất; bay hơi; nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh, chậm; khả năng trộn lẫn với nước; khối lượng thể tích; độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-(1-:15):2011; ASTM D244:04; AASHTO T59; ASTM D6930; ASTM D6933; ASTM D6939:04; ASTM D6977:04
BÊ TÔNG NHỰA		
1.	Xác định độ góc cạnh của cát	AASHTO T309
2.	Xác định độ ổn định và độ dẻo Marshall	ASTM D1559/6926, 6927; AASHTO T245
3.	Xác định các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa Polime	22TCN 356-06
4.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
5.	Xác định hàm lượng nhựa trong bê tông nhựa bằng phương pháp đốt	AASHTO TP53
BỘT KHOÁNG		
1.	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012; AASHTO T89/90; ASTM D3418
PHỤ GIA BÊ TÔNG, VỮA		
1.	Xác định độ PH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô; kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước, ảnh hưởng tới thời gia ninh kết của hỗn hợp và cường độ bê tông; kiểm tra ảnh hưởng của phụ gia đến độ co ngót của bê tông	TCVN 8825:11, TCVN 9339:12, ASTM C494/M, C1017, JIS A6204, EN480; AASHTO M194
2.	Hàm lượng mất khi nung; thành phần hóa học của phụ gia; chỉ số hoạt tính của phụ gia	TCVN 8825:11, TCVN 8827:11, ASTM C311, C1240, JIS A6201, EN14277-4; TCVN 4315:07; TCVN 11586:16
XI MĂNG		
1.	Độ giãn nở, độ co Autoclave	TCVN 7711:13, TCVN 8877:15; ASTM C151/M
2.	Nhiệt thủy hóa	TCVN 6067:05, ASTM C186, C1702, EN196.8; JIS R5203
3.	Khả năng giữ nước xi măng	TCVN9202:12
4.	Hàm lượng mất khi nung, CO ₃ , Clorua	TCVN 141:08; TCVN 6820:01; ASTM C114; AASHTO T105
GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ TỰ NHIÊN		
1.	Xác định kích thước và hình dáng	TCVN 6415-02:2016
2.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-03:2016

3.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-04:2016
4.	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-06:2016
5.	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-07:2016
	GẠCH GRANIT	
6.	Xác định chất lượng bề mặt; xác định độ hút nước	TCVN 6883:2001
	GẠCH GRANITO	
7.	Xác định sai lệch kích thước, độ mài mòn, độ cứng lớp mặt, độ chịu lực xung kích	TCVN 6074:95
	GẠCH TERAZZO	
8.	Xác định kích thước cơ bản và ngoại quan; độ hút nước, cường độ uốn; độ mài mòn sâu	TCVN 7744:2013
	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (AAC)	
9.	Xác định cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 7959:2011
	GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP	
10.	Xác định kích thước, khuyết tật hình dạng, cường độ chịu nén, khối lượng thể tích khô, độ co ngót khô, độ hút nước, hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017
	GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
11.	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ mài mòn, Độ hút nước, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.